

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ - ST
Ngày 14 – 4 - 2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn A Đam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Sơn.

Bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị T, sinh năm 1992; cư trú tại ấp R, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh G, sinh năm 1985; cư trú tại ấp R, xã Đ, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 05 tháng 12 năm 2022 và tại phiên tòa chị T trình bày: Chị và anh G tự nguyện chung sống với nhau năm 2013, đến ngày 31/5/2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 11 năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, thường hay cự cãi, tính tình không còn phù hợp, chị T và anh G đã ly thân từ tháng 11 năm 2022 cho đến nay, gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị T và anh G có 01 người con chung tên Trương Triệu P, sinh ngày 06/11/2013 hiện nay con đang ở với cha, sau khi ly hôn chị T đồng ý giao con

cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh G đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản Tổ tụng của Tòa án cho anh và đã triệu tập hợp lệ anh G tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh G vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị T có mặt vẫn bảo lưu quan điểm theo đơn khởi kiện không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T khởi kiện xin ly hôn với anh G, địa chỉ: Ấp R, xã Đ, huyện Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên anh G vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh G tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh G chung sống tự nguyện với nhau vào năm 2013, đến ngày 31/5/2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Ngọc Hiền theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh G là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh G là trầm trọng, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành và chị T, anh G đã ly thân với nhau từ tháng 11 năm 2022 đến nay. Anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử vụ án nhưng anh G vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu ly hôn của chị T. Do đó, xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị T và anh G không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị T yêu cầu ly hôn với anh G là có căn cứ nên Hội đồng áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, chị T được ly hôn với anh G.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh G chung sống có 01 con chung tên Trương Triệu P, sinh ngày 06/11/2013. Hiện nay cháu Trương Triệu P đang sống cùng với anh G; Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa chị T đồng ý để anh G tiếp tục nuôi dưỡng cháu P, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Trương Triệu P đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống với cha, hơn nữa từ khi chị T và anh G ly thân cháu P sống cùng anh G đã ổn định về đời sống sinh hoạt, tâm sinh lý nên cần tiếp tục giao con cho anh G nuôi là phù hợp, chị T không

phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, được khấu trừ phần tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh G.

Về con chung: Giao cháu Trương Triệu P, sinh ngày 06/11/2013 cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh G.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0021538 ngày 05/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền được chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THA dân sự huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn A Đam

